TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. NHA TRANG
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XA HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 69/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 31/5/2018
V/v tranh chấp"Ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG,TỈNH KHÁNH HÒA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Thanh Hương**
Các Hội thẩm nhân dân:
1.Ông **Nguyễn Đức Đẹp**
2.Bà **Nguyễn Thị Thị Tỉnh**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Thủy** là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:*
Ông **Lê Hoàng Anh** – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 05 năm 2018, tại trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1019/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 18 tháng 04 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2018/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 05 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị T**
Nơi ĐKHKTT: 06 L, phường P, thành phố Nha Trang
Chỗ ở hiện nay: Tổ 3 V, phường N, Nha Trang
Có mặt.
Bị đơn: Ông **Nguyễn Minh N**
Nơi ĐKHKTT: 06 L, phường P, thành phố Nha Trang
Chỗ ở hiện nay: Tổ 3 V, phường N, Nha Trang
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Minh N tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND phường X, thành phố Nha Trang vào năm 2000. Trong quá trình chung sống với nhau xảy ra nhiều mâu thuẫn giữa hai vợ chồng. Ông N thường xúc phạm, xem thường bà. Năm 2013 đến nay, ông N có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Mặc dù bà đã khuyên nhũ nhiều lần để gìn giữ hạnh phúc gia đình nhưng ông N vẫn chứng nào tật đó. Hiện nay, bà và ông N đã sống ly thân. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N.

- Về con chung: Bà và ông N có 03 con chung là Nguyễn Thị Minh Th, sinh ngày 09/12/2000; Nguyễn Thị Minh Q, sinh ngày 18/4/2003 và Nguyễn Minh Qu, sinh ngày 08/8/2005. Hiện nay, 03 con đang ở với bà, nên bà có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc con và không yêu cầu ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

** Bị đơn ông Nguyễn Minh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vẫn không có mặt theo các yêu cầu trong các văn bản tố tụng, nên trong hồ sơ không thể hiện lời khai của ông Nguyễn Minh N*

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thành phố Nha Trang đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T; Về con chung: Giao 03 con chung là Nguyễn Thị Minh Th, sinh ngày 09/12/2000; Nguyễn Thị Minh Q, sinh ngày 18/4/2003 và Nguyễn Minh Qu, sinh ngày 08/8/2005 cho bà T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Bà T không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Ông N được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở; Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu giải quyết; Tuyên về án phí: Bà T chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: ông Nguyễn Minh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vẫn không có mặt theo các yêu cầu trong các văn bản tố tụng. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông N.

[2]Về quan quan hệ hôn nhân và gia đình: Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Minh N tự nguyện kết hôn tại UBND phường X, thành phố Nha Trang vào ngày 17/02/2000, theo giấy chứng nhận kết hôn số 11. Đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông N thường xuyên xúc phạm, xem thường bà. Hiện nay, bà và ông N đã sống ly thân.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn ông Nguyễn Minh N lên làm việc nhưng tại các buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa, ông N không có mặt tham gia tố tụng, cho thấy ông N không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ gia đình.

Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà T và ông N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu cứ tiếp tục duy trì cuộc sống gia đình thì cũng không đem lại hạnh phúc cho đôi bên. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà T là chính đáng, có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của nguyên đơn.

[3]Về con chung: Bà T và ông N có 03 (ba) con chung là Nguyễn Thị Minh Th, sinh ngày 09/12/2000; Nguyễn Thị Minh Q, sinh ngày 18/4/2003 và Nguyễn Minh Qu, sinh ngày 08/8/2005. Hiện nay, 03 con đang ở với bà, nên bà có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc con và không yêu cầu ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Trên cơ sở yêu cầu của bà T và nguyện vọng của các con yêu cầu được ở với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy giao con chung cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là có căn cứ phù hợp với Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông Nguyễn Minh N được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4]Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5]Về án phí: Bà Trần Thị T phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Trần Thị T

1.Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Minh N.

2. Về con chung: Giao có 03 con chung là Nguyễn Thị Minh Th, sinh ngày 09/12/2000; Nguyễn Thị Minh Q, sinh ngày 18/4/2003 và Nguyễn Minh Qu, sinh ngày 08/8/2005 cho bà T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Bà Trần Thị T không yêu cầu ông Nguyễn Minh N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này các bên đương sự có yêu cầu sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn khởi kiện.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, bà Trần Thị T và ông Nguyễn Minh N có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Nếu sau này, các bên đương sự có yêu cầu sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn khởi kiện.

4. Về án phí: Bà Trần Thị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số, lệ phí Tòa án số AA/2016/0007439 ngày 02/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Bà T đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tòa tuyên án. Ông Nguyễn Minh N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP. Nha Trang;
- Chi cục THADS TP. Nha Trang;
- UBND phường X, TP.Nha Trang (Số:11, ngày 17/02/2000);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Thanh Hương